

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 726/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2022/QĐ-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thùy T, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: XX Phú Trung, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: YY ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bi đơn: Ông Cao Minh T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: XX Phú Trung, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: YY, ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Thùy T đăng ký kết hôn với ông Cao Minh T tại UBND Phường 10, quận Tân Bình, TP.HCM vào ngày 12/10/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 236, Quyển số 01/2007). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Phường 10, quận Tân Bình, đến năm 2017 vợ chồng chuyển về sinh sống tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn. Trong quá trình sống chung, do tính tình hai bên không hòa hợp, ông T không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, ông T không chung thủy, có quen phụ nữ khác dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra gây gổ, mâu thuẫn. Mỗi lần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là ông T thiếu tôn trọng vợ, thường xuyên la mắng và đánh đập bà T. Hiện nay mặc dù bà T và ông T vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh T K, sinh ngày 07/5/2004. Sau ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Cao Minh T nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Cao Minh T cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Hồ Thị Thùy T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Cao Minh T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tổ tụng dân sự quy định. Bà Hồ Thị Thùy T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Cao Minh T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bà T và ông T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về hôn nhân: bà Hồ Thị Thùy T và ông Cao Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 10, quận Tân Bình, TP.HCM vào ngày 12/10/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 236, Quyền số 01/2007), do đó hôn nhân của bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông T nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Bà T trình bày ông T không chung thủy, quen người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên la mắng và đánh đập bà T. Hiện nay giữa bà T và ông T đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà T không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, qua các lần Tòa án hòa giải cho ông T thời gian để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông T đã không có mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, điều đó thể hiện ông T không có phương hướng, biện pháp và thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, xét thấy giữa bà T và ông T không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: bà T và ông T có 01 con chung là Cao Minh T Khoa, sinh ngày 07/5/2004. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, cháu Tuấn có nguyện vọng xin được sống chung với mẹ trong trường hợp ba mẹ ly hôn. Hiện nay con chung của bà T và ông T đã trưởng thành.

[6] Về tài sản chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Thùy T và ông Cao Minh T.

2/. Về nuôi con chung: bà T và ông T có 01 con chung là Cao Minh T K, sinh ngày 07/5/2004. Hiện nay con chung đã trưởng thành.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Hồ Thị Thùy T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0074726 ngày 23/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND phường 10, Tân Bình, TP.HCM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh

